

Bản án số: 33/2025/DS-ST
Ngày: 05-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn.

Ông Trần Đăng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thành Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B, đường L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H - Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh C, Bắc Giang II (theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01-12-2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N).

Người được ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Hữu Đ - Giám đốc phòng G - Ngân hàng N – Chi nhánh C, Bắc Giang II (theo Giấy ủy quyền số 1203/UQ-NHN0.BGII-TXC ngày 02-7-2025 của Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh C, Bắc Giang II). (có mặt).

2. Bị đơn:

Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Chị Vi Thị H1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn V, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20-02-2025, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng N do bà Phạm Thị Hữu Đ là người đại diện trình bày:*

Ngày 06-12-2022, anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Vi Thị H1 và Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L, Bắc Giang II (nay là chi nhánh C, Bắc Giang II) đã ký kết hợp đồng tín dụng số: 2504-LAV-202204488. Số tiền cho vay là: 200.000.000 đồng; cho vay không có tài sản bảo đảm; mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống. Kỳ hạn trả nợ: ngày 29-11-2023, trả gốc: 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Ngày 29-11-2023, anh Q, ông T, chị H1, anh T1 không trả được nợ cho ngân hàng. Ngày 30-11-2023, ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn, số tiền gốc: 200.000.000 đồng và toàn bộ số lãi phát sinh kèm theo. Qua nhiều lần đôn đốc nhắc nhở đến nay bị đơn chưa trả nợ cho ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, tính đến nay anh Q, ông T, anh T1, chị H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng.

Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc anh Q, ông T, anh T1, chị H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh C, Bắc Giang II toàn bộ số tiền gốc, lãi tính đến ngày xét xử theo hợp đồng tín dụng số 2504-LAV-202204488 ngày 06-12-2022. Anh Q, ông T, anh T1, chị H1 phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán với mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2504-LAV-202204488 ngày 06-12-2022 cho đến khi trả hết nợ.

** Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Vi Thị H1 đều trình bày:*

Gia đình anh Q, ông T, anh T1 và chị H1 xác định có vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L, Bắc Giang II (nay là chi nhánh C, Bắc Giang II). Do điều kiện gia đình khó khăn nên chưa trả được nợ cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu gia đình thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh thì nhất trí trả nợ nhưng xin được trả dần đến khi hết nợ. Nếu ngân hàng không đồng ý thì đề nghị giải quyết theo quy định. Đồng thời xin được miễn án phí do là hộ cận nghèo.

** Tại phiên tòa:*

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị Hữu Đ trình bày: Tính đến ngày xét xử ngày 05-9-2025 thì anh Q, ông T, anh T1, chị H1 còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 272.637.087 đồng, gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ

lãi trong hạn: 55.013.699 đồng (đã trả được 3.013.699 đồng); Nợ lãi quá hạn: 17.698.630 đồng; Lãi chậm trả: 2.938.457 đồng. Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Q, ông T, anh T1, chị H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

Bị đơn anh Q, ông T, anh T1, chị H1 vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố những tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 299, 323, 357, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 30, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 12 Luật Ngân hàng N1; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Vi Thị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh C, Bắc Giang II tổng số tiền là 272.637.087 đồng, gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 55.013.699 đồng (đã trả được 3.013.699 đồng); Nợ lãi quá hạn: 17.698.630 đồng; Lãi chậm trả: 2.938.457 đồng.

Kể từ ngày 06-9-2025, anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Vi Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng số 2504-LAV-202204488 ngày 06-12-2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngoài ra còn phát biểu về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện buộc anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Vi Thị H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ theo quy định tại khoản 4, 7 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Tuy nhiên, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì mục đích vay tiền của bị

đơn là phục vụ nhu cầu đời sống, hộ anh Q không có đăng ký kinh doanh, nên căn cứ theo quy định tại Điều 26, 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 116 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Vi Thị H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn V, xã L, tỉnh Bắc Ninh). Tại thời điểm thụ lý thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi, thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án thì Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân thị xã Chũ, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn và Tòa án nhân dân huyện Sơn Động. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tiếp tục giải quyết, xét xử vụ án.

[3] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Vi Thị H1 được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Q, ông T, anh T1, chị H1.

[4] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng thấy: Ngày 06-12-2022, anh Q và những người ủy quyền là ông T, anh T1, chị H1 đã giao kết hợp đồng tín dụng số 2504-LAV-202204488 với Ngân hàng N - chi nhánh C, B (nay là chi nhánh C, Bắc Giang II). Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên xác lập một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy Hợp đồng tín dụng được lập giữa anh Q, ông T, anh T1, chị H1 và ngân hàng là hợp pháp nên phát sinh hiệu lực thi hành giữa các bên.

[5] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Q, ông T, anh T1, chị H1 chưa trả được tiền gốc, vi phạm về nghĩa vụ thanh toán khi đến định kỳ hạn trả nợ. Tính đến ngày xét xử thì anh Q, ông T, anh T1, chị H1 còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy bị đơn đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc anh Q, ông T, anh T1, chị H1 phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng tiền gốc theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về lãi suất: Theo thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 2504-LAV-202204488 ngày 06-12-2022 thì lãi suất gồm: cho vay ngắn hạn: 10,0%/năm trên số dư nợ gốc, lãi suất cho vay trung hạn bằng 11% trên số dư nợ gốc; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả. Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Việc tính lãi suất của Ngân hàng được tính theo đúng quy định của hợp đồng, phù hợp với từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất và quy định về áp dụng lãi suất của Ngân hàng quy định tại thời điểm điều chỉnh. Theo các tài liệu, quyết định về việc ban hành điều chỉnh mức lãi suất cho vay áp dụng tại từng thời kỳ và đối chiếu với bảng tính lãi thống kê chi tiết của Ngân hàng cung cấp số tiền nợ tính đến ngày xét xử (ngày 05-9-2025) thì anh Q, ông T, anh T1, chị H1 còn phải chịu tiền lãi gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 55.013.699 đồng (đã trả được 3.013.699 đồng); Nợ lãi quá hạn: 17.698.630 đồng; Lãi chậm trả: 2.938.457 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho Ngân hàng, lỗi vi phạm hợp đồng thuộc về bị đơn kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên anh Q, ông T, anh T1, chị H1 phải thanh toán toàn bộ số tiền lãi trên cho ngân hàng theo quy định tại Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 13, 18, 20, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng (khoản 4, Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023).

[7] Đối với yêu cầu buộc bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến ngày thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP nên được chấp nhận. Buộc anh Q, ông T, anh T1, chị H1 tiếp tục phải lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 06-9-2025) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng. Do bị đơn là hộ cận nghèo nên miễn án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;
- Điều 116, 117, 119 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 99, 100, 103 và 107 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Điều 12 của Luật Ngân hàng N1;
- Điều 7, 8, 10 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 13, 18, 20, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng (khoản 4, Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N1);
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng N:

Buộc anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Vi Thị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N - chi nhánh C, Bắc Giang II tổng số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử theo Hợp đồng tín dụng số 2504-LAV-202204488 ngày 06-12-2022 là 272.637.087 đồng. (gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 55.013.699 đồng (đã trả được 3.013.699 đồng); Nợ lãi quá hạn: 17.698.630 đồng; Lãi chậm trả: 2.938.457 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2504-LAV-202204488 ngày 06-12-2022. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Vi Thị H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.370.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0002924 ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Minh